

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG HÒA  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST  
ngày 14/12/2022

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán  
tài sản*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nông Thanh Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Bế Ích Hòa và ông Nông Văn Tuyên

*Thư ký phiên tòa:* bà Mã Thư Viện - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa:* bà  
Lục Thị Hà - Kiểm sát viên

Ngày 14/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ  
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm  
2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ  
án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-DS ngày 04/11/2022 và quyết định hoãn  
phiên tòa số 2008/2022/QĐST-DS ngày 30/11/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Triệu Thị H** - sinh năm 1985

Địa chỉ: xóm N, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng.

Có mặt.

2. *Bị đơn:* **Nông Thị K** - sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt không có lý do.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Đinh Ngọc Đ – sinh năm 1985;  
Địa chỉ: Xóm M, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Vắng mặt do có đơn xin xét xử vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn trình bày:

Tôi với chị Nông Thị K và anh Đinh Ngọc Đ là chỗ quen biết, từ ngày  
02/11/2020 đến ngày 25/12/2020 tôi được giao các mặt hàng tạp hóa cho chị K,  
anh Đ tại nhà ở xóm M xã T. Đến ngày 14/6/2021 chị Nông Thị K lập giấy chốt  
nợ số tiền hàng là 40 triệu đồng. Sau nhiều lần đòi nợ không trả, nay tôi khởi  
kiện yêu cầu chị Nông Thị K và anh Đinh Ngọc Đ phải trả cho tôi số tiền mua

hàng hóa còn nợ là 40 triệu đồng và lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 cho đến ngày mở phiên tòa xét xử.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn Nông Thị K không hợp tác, trốn tránh không tham gia quá trình tố tụng tại tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Ngọc Đ có gửi bản khai cho Tòa án trình bày: Tôi không biết vợ tôi (Nông Thị K) còn nợ tiền hàng tạp hoá của chị Triệu Thị H, công việc bán hàng tạp hoá do vợ tôi tự quyết, vì vậy Nông Thị K có trách nhiệm tự trả tiền cho chị H, tuy nhiên vào ngày 30/10/2022 tôi đã được chuyển khoản cho chị H là 18 triệu đồng để trả nợ thay chị K.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn xác nhận ngày 30/10/2022 anh Đinh Ngọc Đ đã chuyển khoản trả 18 triệu đồng, nay yêu cầu chị Nông Thị K, anh Đinh Ngọc Đ còn phải trả 22 triệu đồng còn lại. Về lãi yêu cầu như sau: 40 triệu lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 cho đến ngày 01 tháng 10 năm 2022, 22 triệu lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 cho đến ngày mở phiên tòa xét xử (ngày 14 tháng 12 năm 2022).

Bị đơn Nông Thị K vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do lần thứ hai tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Ngọc Đ không tham gia phiên tòa do có đơn xin xét xử vắng mặt.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn tự từ bỏ quyền, lợi ích hợp pháp khi không tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ của vụ án và qua phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa, nhận thấy giữa chị Nông Thị K có lấy hàng tạp hoá với chị Triệu Thị H nhiều lần nhưng chưa trả tiền, đến ngày 14/6/2021 chị K viết giấy chót nợ tiền hàng tạp hoá với chị H là 40 triệu đồng. Xét thấy mặc dù chị K không hợp tác, không tham gia tố tụng khi được Tòa án triệu tập, nhưng qua bản tự khai của anh Đinh Ngọc Đ (là chồng chị K) đã thể hiện chị K có lấy hàng tạp hoá với chị H để bán lại, đồng thời ngày 30/10/2022 anh Đ đã chuyển khoản cho chị H 18 triệu đồng, điều đó cho thấy việc chị K, anh Đ còn nợ tiền hàng tạp hoá của chị H, phù hợp với giấy chót nợ lập ngày 14/6/2021. Do khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng, cho nên anh Đinh Ngọc Đ phải có trách nhiệm cùng chị Nông Thị K trả nợ cho chị Triệu Thị H. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Triệu Thị H, buộc bị đơn Nông Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Ngọc Đ phải có nghĩa vụ trả nợ số

tiền gốc 22 triệu đồng và lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01/10/2021 theo lãi suất cho cá nhân vay tiêu dùng trung hạn do Ngân hàng quy định tại thời điểm xét xử và phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Các đương sự có xác lập hành vi mua bán hàng hóa và còn nợ tiền chưa thanh toán, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự việc được ký kết (giấy chốt nợ) ngày 14/6/2021, vì vậy sẽ áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn Triệu Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nông Thị K và anh Đinh Ngọc Đ phải trả số tiền mua hàng tạp hóa còn nợ là 40 triệu đồng theo giấy chốt nợ tiền hàng lập ngày 14/6/2021 và lãi suất do chậm trả tiền từ ngày 01/10/2021 đến ngày xét xử. Trong quá trình giải quyết án, bị đơn Nông Thị K không hợp tác, không tham gia tố tụng khi được Tòa án triệu tập. Đến ngày 30/10/2022 anh Đinh Ngọc Đ (là chồng chị K) đã chuyển khoản trả cho nguyên đơn Triệu Thị H số tiền 18 triệu đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu chị Nông Thị K và anh Đinh Ngọc Đ phải trả tiếp 22 triệu đồng còn lại. Về lãi yêu cầu như sau: 40 triệu lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 cho đến ngày 01 tháng 10 năm 2022, 22 triệu lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2022 cho đến ngày mở phiên tòa xét xử (ngày 14 tháng 12 năm 2022).

Xét thấy mặc dù chị Nông Thị K không hợp tác, không tham gia tố tụng khi được Tòa án triệu tập, nhưng qua bản tự khai của anh Đinh Ngọc Đ (là chồng chị K) đã thể hiện chị K có lấy hàng tạp hoá với chị H để bán lại nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình, diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, đồng thời ngày 30/10/2022 anh Đ đã chuyển khoản cho chị H 18 triệu đồng để trả nợ thay chị Hạnh, điều đó cho thấy việc chị K, anh Đ còn nợ tiền hàng tạp hoá của chị H 22 triệu là đúng với giấy chốt nợ lập ngày 14/6/2021 do chị K viết ra và ký tên, do đó yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả tính kể từ ngày 01/10/2021 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy lãi suất cho cá nhân vay trung hạn (từ 01 năm trở lên) trung bình cộng của 03 Ngân hàng (Bưu điện - Liên Việt; Viettinbank; Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn) là 11%/năm tại thời điểm xét xử. Vì vậy cách tính lãi suất chậm trả như sau: Từ ngày 01/10/2021 đến ngày 01/10/2022 là 366 ngày x 40 triệu đồng x 0.92% : 30 ngày = 4.490.000,đ. Từ 01/12/2022 đến 14/12/2022 = 14 ngày x 22 triệu đồng x 0.92% : 30 = 94.500,đ. Tổng cộng là 4.584.500,đ (Bốn triệu năm trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng) tiền lãi chậm trả.

Như vậy có căn cứ để buộc chị Nông Thị K và anh Đinh Ngọc Đ phải có trách nhiệm trả cho chị Triệu Thị H số tiền là 26.584.500,đ (trong đó tiền gốc là 22.000.000,đ và lãi chậm trả là 4.584.500,đ).

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các Điều 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30, Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, nay xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nông Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Ngọc Đ phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Triệu Thị H số tiền gốc là 22.000.000,đ và tiền lãi chậm trả là 4.584.500,đ, tổng cộng là 26.584.500,đ (Hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn năm trăm đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định của Ngân hàng nhà nước hoặc theo sự thoả thuận của các bên đương sự (nếu có), nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Về án phí: Nguyên đơn được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000,đ (Một triệu đồng) đã nộp theo biên lai số 0004663 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa.

Bị đơn Nông Thị K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.329.200,đ (Một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn hai trăm đồng) để sung ngân sách nhà nước.

*"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã Tiên Thành;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nông Thanh Điệp**